

NGỮ CẢNH

(Tiếp theo)

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được vai trò của ngữ cảnh trong việc tạo lập và lĩnh hội văn bản.
- Vận dụng những kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

GV tập trung làm rõ vai trò quan trọng của ngữ cảnh trong việc tạo lập và lĩnh hội văn bản.

a) Vai trò của ngữ cảnh trong việc tạo lập văn bản

Việc dùng từ, đặt câu phải phù hợp về ngữ nghĩa và ngữ pháp với các từ ngữ khác được dùng trong văn bản, phù hợp với quan hệ giữa người viết và người đọc, phù hợp với cách thức giao tiếp (viết hay nói) và tình huống giao tiếp cụ thể (tình huống giao tiếp có tính chất nghi lễ đòi hỏi từ ngữ phải được chọn lọc hơn tình huống giao tiếp không có tính chất nghi lễ), v.v.

Trong giao tiếp trực tiếp, ngữ cảnh không ngừng biến đổi, người nói phải điều chỉnh ngôn ngữ của mình cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Chẳng hạn, khi mới gặp nhau lần đầu, hai bên giao tiếp có thể giữ khoảng cách, chọn cách xưng hô có phần khách khí. Nhưng sau một lúc nói chuyện mà hiểu nhau, thì hai bên có thể thu hẹp khoảng cách bằng cách dùng các từ xưng hô thân mật hơn.

b) Vai trò của ngữ cảnh trong việc lĩnh hội văn bản

- Ngữ cảnh giúp ta xác định từ ngữ nào đã được dùng, câu nào đã được nói hay viết ra.

Chẳng hạn, ngữ cảnh giúp ta xác định các trường hợp đồng âm, đa nghĩa, đồng nghĩa. Dựa vào ngữ cảnh, ta cũng có thể xác định, khôi phục lại những thành phần nào đó của câu đã bị tỉnh lược (do nhu cầu rút gọn trong giao tiếp, hoặc nhu cầu liên kết văn bản).

– Trong trường hợp câu nói chứa những từ ngữ có nghĩa gắn bó với ngữ cảnh như : *tôi, hôm qua, bây giờ, ở đây, ở đó*,... chỉ có dựa vào ngữ cảnh ta mới hiểu được nội dung câu nói : *nói về ai, bao giờ, ở đâu*. Từ đó, ta mới có thể đánh giá tính đúng hay sai của câu nói.

– Đặc biệt, ngữ cảnh giúp ta hiểu được hàm ý của câu nói, tức cái ý nghĩa đích thực mà người nói hay người viết muốn chuyển tải. Một câu nói như "Mai tôi đến", tùy theo ngữ cảnh mà có thể hiểu là một lời hứa, một tuyên bố, một lời đe dọa, v.v.

2. Về phương pháp

Trên đây là vai trò của ngữ cảnh nói chung trong việc tạo lập và hiểu văn bản. Tuy nhiên, như đã giới thiệu trong bài trước, ngữ cảnh gồm có văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp. Vì vậy, để cho dễ hiểu, GV nên lần lượt làm rõ vai trò của văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp trong việc tạo lập và hiểu văn bản. GV nêu và phân tích ví dụ cụ thể.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

GV nhắc lại kiến thức đã học ở bài trước, theo đó ngữ cảnh gồm có văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp. Cả văn cảnh và hoàn cảnh giao tiếp đều có vai trò quan trọng trong việc tạo lập và lĩnh hội văn bản.

1. Phần nội dung chính

Về lí thuyết, GV có thể phân tích theo các mục và dẫn chứng được nêu trong SGK. GV có thể nêu thêm một số dẫn chứng để làm rõ hơn vai trò của ngữ cảnh trong việc tạo lập và hiểu văn bản.

Về bài tập, GV tổ chức và hướng dẫn HS giải các bài tập trong SGK. Sau đây là các gợi ý :

Bài tập 1

Văn cảnh cho biết từ "xuân" đã được dùng với những nghĩa khác nhau.

Trong "Gần xa nô nức yến anh - Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân", thì "xuân" là mùa xuân, một trong bốn mùa của năm.

Trong "Kiếp hồng nhan quá mong manh - Nửa chùng xuân, thoát gầy cành thiên hương", thì "xuân" chỉ tuổi trẻ của một đời người.

Trong câu "Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp", thì "xuân" có nghĩa là tuổi.

Bài tập 2

a) Từ "đây" được dùng như đại từ xưng hô ngôi thứ nhất, tức được dùng như đại từ "tôi".

b) Chính ngữ cảnh là nhân tố khiến từ "đây" được hiểu như đại từ xưng hô ngôi thứ nhất :

– Xét văn cảnh : từ "đây" đi với một cụm từ chỉ trạng thái tâm lí "không giận", vì vậy nó phải chỉ người (không gian thì không thể giận hay không giận được !).

– Xét hoàn cảnh giao tiếp : trong đối lập *đây / đấy* và *người nói / người nghe*, "đây" chỉ người nói (còn "đấy" chỉ người nghe).

Bài tập 3

Trong đoạn trích, trước tiên Đồng Mẫu xưng "mẹ", gọi "con" với Kim Lân. Nhưng khi thấy Kim Lân hoang mang, có vẻ muốn thoả hiệp với Ôn Đình để cứu mẹ, bà đã đổi cách xưng hô, xưng "tao", gọi "mi" với Kim Lân ("Bố Kim Lân ! Để tao chết thời mi hãy đầu Tạ tặc"), cách thay đổi xưng hô như vậy đã thể hiện thái độ kiên quyết, không chấp nhận bất kì sự thoả hiệp nào của Đồng Mẫu : bà thà chết chứ không để Kim Lân bị lung lạc bởi mưu kế của Ôn Đình.

Trong giao tiếp hằng ngày, sự thay đổi từ ngữ xưng hô có thể báo hiệu cho sự thay đổi quan hệ giữa các bên giao tiếp. Ví dụ, có một số người chơi với nhau, lúc bình thường thì xưng *tớ tớ, cậu cậu*,... nhưng khi giận nhau có thể gọi *mày, tao*.

Bài tập 4

Câu nói : "Anh ăn cơm chưa ?" có thể mang nhiều hàm ý khác nhau, phụ thuộc vào ngữ cảnh.

Chẳng hạn, nếu ta nói câu ấy lúc chuẩn bị đi ăn, thì đó có thể là lời mời ai đó cùng đi ăn cho vui.

Nhưng trong một ngữ cảnh khác, chẳng hạn nếu ta nói câu ấy với một người bị ốm phải uống thuốc, mà thuốc phải uống sau khi ăn mới có hiệu quả, thì đó là lời nhắc người đó uống thuốc.

Bài tập 5

Trong cuộc sống, có rất nhiều trường hợp, do một lí do tế nhị nào đó, người ta không thể nói một cách trực tiếp. Chẳng hạn trong trường hợp phải nhờ vả ai đó, nhiều khi chúng ta phải nói xa nói gần, nói một cách "ý nhị". Ví dụ : A muốn nhờ B chở mình ra ga. Nhưng thay vì nhờ trực tiếp, A lại bóng gió hỏi B là bây giờ không biết có tìm được xe không. Khi nghe A nói như vậy, B có thể hiểu ý và đề nghị được chở A ra ga.

3. Phần củng cố

GV giúp HS nắm được các ý chính sau đây :

– Ngữ cảnh có vai trò quan trọng trong việc tạo lập văn bản : việc dùng từ, đặt câu phải phù hợp về ngữ nghĩa, ngữ pháp với các từ ngữ khác trong văn bản và phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

– Ngữ cảnh có vai trò quan trọng trong việc lĩnh hội văn bản : ngữ cảnh giúp ta hiểu được ý nghĩa của các từ, ngữ được dùng trong văn bản nói riêng và lĩnh hội được ý nghĩa đích thực của văn bản nói chung.